

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh Phúc**

Bản án số: 44/2021/DS-PT

Ngày: 05/3/2021

V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng;

Hợp đồng bảo hiểm.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trịnh Văn Toàn.

Các Thẩm phán: Bà Lưu Thị Thu Hường và ông Nguyễn Văn Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Linh Chi. Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Anh; Chức vụ: Kiểm sát viên.

Ngày 05/3/2021, tại trụ sở TAND tỉnh Đắk Lắk, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 291/2020/TLPT-DS ngày 20 tháng 11 năm 2020 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng và hợp đồng bảo hiểm*”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 15/2021/QĐ-PT ngày 14/01/2021, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng H; trụ sở: Tòa nhà N04, phường T, quận C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Quốc C; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị Ngân hàng H, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm Văn T; chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng H – Chi nhánh Đắk Lắk, có mặt.

Người đại diện theo ủy quyền tham gia tố tụng: Bà Nguyễn Thị H; chức vụ: Cán bộ tín dụng, có mặt.

Địa chỉ: Số 68 -70 L, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Bị đơn: Bà Trần Thị Thu T; địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Công ty Bảo hiểm A

Người đại diện theo pháp luật: Ông S; chức vụ: Tổng giám đốc, vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Quang T; C/v: Phó trưởng phòng pháp chế, có mặt.

Trụ sở: Tòa nhà 117 -119 L, phường 7, quận 3, thành phố Hồ Chí Minh.

2. Ông Ngô Văn T; địa chỉ: phường An Cựu, thành phố Huế, tỉnh Thừa Thiên Huế, vắng mặt.

3. Ông Ngô Văn P, vắng mặt.

4. Bà Ngô Thị Kim O, vắng mặt.

Cùng địa chỉ: Thôn 2, xã H, Tp. B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo ủy quyền của ông T, ông P, bà O: Bà Trần Thị Thu T; địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, có mặt.

5. Ông Vũ Ngọc H; địa chỉ: 29 H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

6. Bà Bùi Thị Thanh T1; địa chỉ: Thôn 2, xã H, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

- **Người làm chứng:** Bà Phan Tô Thảo L; địa chỉ: 17 Đ, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- **Trong quá trình tham gia tố tụng, đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là bà Nguyễn Thị H trình bày như sau:**

Ngày 09/4/2015, Ngân hàng H chi nhánh Đắk Lắk có cho hộ ông Ngô Văn L và bà Trần Thị Thu T vay vốn theo hợp đồng tín dụng số DH 21400013 số tiền 200.000.000 đồng, lãi suất 0,875%/tháng. Thời hạn vay 15 tháng từ ngày 09/4/2015 đến ngày 09/7/2016.

Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ, ông L, bà T ký kết Hợp đồng thế chấp số TC09/2014 ngày 10/2/2014, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 20, diện tích 490m² tọa lạc tại xã H, huyện C (Nay là thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 535557 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/7/1997 cho hộ ông Ngô Văn L

Quá trình vay vốn, ông L chết và bà T đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 09/3/2018 bà T còn nợ Ngân hàng H chi nhánh Đắk Lắk số tiền nợ gốc 200.000.000 đồng, nợ lãi 75.949.900 đồng. Tổng 275.949.900 đồng.

Vì vậy Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc bà Trần Thị Thu T phải thanh toán số tiền 275.949.900 đồng cho Ngân hàng và toàn bộ lãi vay, lãi phạt quá hạn, phạt chậm trả cho đến khi thanh toán hết nợ. Trường hợp Bà T không trả nợ thì yêu cầu kê biên phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

** Đối với yêu cầu độc lập của bà T, đại diện theo ủy quyền của Nguyên đơn có ý kiến như sau:* Tại thời điểm vay vốn, Ngân hàng có giới thiệu về sản phẩm bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân của công ty cổ phần bảo hiểm A, khi gặp những tai nạn dẫn đến tử vong hoặc thương tật toàn bộ vĩnh viễn thì bảo hiểm A sẽ thay mặt khách hàng thanh toán toàn bộ khoản nợ mà khách hàng đã mua phí bảo hiểm.

Sau khi thu phí bảo hiểm từ khách hàng, ngay trong ngày giải ngân thì Ngân hàng đã chuyển cho chi nhánh Công ty Bảo hiểm A. Còn trình tự cấp giấy chứng nhận bảo hiểm thì đó là việc giữa chi nhánh và công ty A, Ngân hàng không liên quan. Theo giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân của ông Ngô Văn L thì thời hạn bảo hiểm là từ 16h ngày 09/4/2015 đến 16h ngày 09/7/2016. Tại ngày ngân hàng giải ngân thì ông L bị tai nạn và qua đời ngày 29/4/2015. Quãng thời gian này nằm trong thời hạn bảo hiểm của bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân đã mua của Công ty Bảo hiểm A. Do đó ngân hàng đề nghị buộc Công ty Bảo hiểm A có trách nhiệm bồi thường cho ông Ngô Văn L theo hợp đồng bảo hiểm.

*** Tại bản tự khai và tại phiên tòa, Bị đơn bà Trần Thị Thu T trình bày như sau:**

Ngày 09/4/2015, gia đình bà T có vay Ngân hàng H số tiền 200.000.000 đồng là đúng sự thật, khi vợ chồng bà lên ngân hàng làm hồ sơ vay lại thì được cán bộ Ngân hàng tư vấn cho vợ chồng bà mua bảo hiểm nên vợ chồng bà đồng ý mua bảo hiểm của chi nhánh Công ty Bảo hiểm A tại Ngân hàng. Ngân hàng cho bà vay 200.000.000 đồng, trừ tiền mua bảo hiểm 950.000 đồng, còn lại 199.050.000 đồng. Giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ cá nhân, người được bảo hiểm là ông Ngô Văn L. Vào ngày 10/4/2015, ông L bị tai nạn, và đã chết vào lúc 23h ngày 29/4/2015. Bà T có báo lên ngân hàng, bảo hiểm có về gia đình bà T lấy lời khai và thu thập các tài liệu, giấy tờ liên quan đến bảo hiểm, nhưng thời gian đã quá lâu mà bảo hiểm không thanh toán cho Ngân hàng. Bà T đã làm đơn khởi kiện Công ty Bảo hiểm A nhưng sau khi được Tòa án giải thích, Bà T đã rút đơn để ngân hàng khởi kiện Công ty bảo hiểm, nhưng ngân hàng lại làm đơn khởi kiện buộc bà phải trả cho ngân hàng thì bà không đồng ý.

Bà T xác nhận đối với hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì không liên quan đến các con của bà. Tài sản này là tài sản riêng của bà và ông L. Các con bà không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung.

Bà T làm đơn khởi kiện độc lập, yêu cầu Công ty Bảo hiểm A phải chi trả cho bà là thân nhân của ông Ngô Văn L là người được bảo hiểm số tiền 200.000.000 đồng mà bà T, ông L vay Ngân hàng H và bồi thường thiệt hại đối với số tiền lãi vay mà bà T phải thanh toán cho Ngân hàng do chậm chi trả tiền.

*** Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần bảo hiểm A – ông Nguyễn Quang T trình bày:**

Công ty bảo hiểm không phải là một bên trong hợp đồng tín dụng, vì vậy Công ty bảo hiểm đề nghị tách riêng yêu cầu của bà T để giải quyết trong một vụ án khác.

Đối với Hợp đồng tín dụng số DH21400013 ngày 09/4/2015 giữa Ngân hàng H chi nhánh Đắk Lắk và hộ ông Ngô Văn L là khoản nợ chung của toàn bộ các thành viên hộ ông L. Do đó, tất cả thành viên hộ gia đình phải có nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng. Trường hợp các thành viên hộ gia đình Ngô Văn L không thực hiện đúng nghĩa vụ thanh toán nợ cho Ngân hàng, kính đề nghị Tòa án xem xét xử lý kê biên, phát mại tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật.

Về yêu cầu độc lập của Bà Trần Thị Thu T đối với Bảo Hiểm A: Hợp đồng bảo hiểm không có giá trị pháp lý. Bởi lẽ:

Thứ nhất: Theo Giấy ủy quyền số 23/2015/UQ-A ngày 01/01/2015 thì giám đốc chi nhánh Đắk Lắk - Bảo Hiểm A không có thẩm quyền ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng H. Nên Bảo Hiểm A không thừa nhận hợp đồng thỏa thuận hợp tác giữa Bảo Hiểm A – chi nhánh Đắk Lắk với Ngân hàng H. Ngân hàng H không có quyền giới thiệu, chào bán các sản phẩm bảo hiểm của Bảo Hiểm A, trong đó có sản phẩm bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân của ông Ngô Văn L.

Thứ hai: Theo Biên bản làm việc ngày 01/7/2015 giữa ngân hàng H và Bảo hiểm A thể hiện: “*ngày 20/4/2015, chị Phan Tô Thảo L đến Ngân hàng H nhận giấy yêu cầu đồng thời thu phí bảo hiểm*”. Như vậy, tại thời điểm ngày 20/4/2015, Chi nhánh Bảo hiểm A Đắk Lắk chỉ mới nhận được giấy yêu cầu bảo hiểm mà chưa được Công ty Bảo hiểm A tại thành phố Hồ Chí Minh duyệt cấp hợp đồng bảo hiểm và giấy chứng nhận bảo hiểm. Trong khi đó tai nạn của ông L đã xảy ra ngày 10/4/2015. Vì vậy, hợp đồng bảo hiểm của ông Ngô Văn L cũng không có giá trị pháp lý. Bà T không có quyền yêu cầu Bảo hiểm A chi trả tiền bồi thường cho mình

Mặt khác, Quy tắc Bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân quy định:

“- *Người thụ hưởng là tổ chức tín dụng trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bảo hiểm*

- *Phạm vi bảo hiểm: trong thời hạn bảo hiểm, Bảo hiểm A sẽ chi trả khoản dư nợ vay cho tổ chức tín dụng/người thụ hưởng*”

Căn cứ Giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân:

- *Người thụ hưởng đầu tiên: Ngân hàng H chi nhánh Đắk Lắk*

Do đó, nếu hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực pháp luật, thì bà Trần Thị Thu T cũng không phải là người được thụ hưởng trong trường hợp xảy ra sự kiện bảo hiểm. Do đó, bà T không có quyền khởi kiện yêu cầu Bảo hiểm A chi trả tiền bồi thường cho mình.

Bảo hiểm A không có nghĩa vụ chi trả toàn bộ nợ gốc 200.000.000 đồng và tiền lãi, bởi lẽ: Quy tắc bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân quy định: Người được bảo hiểm

là khách hàng vay cá nhân tại tổ chức tín dụng, có tên trong danh sách được bảo hiểm ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm...; Giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân: Người được bảo hiểm chỉ là cá nhân ông L mà không phải toàn bộ thành viên hộ gia đình. Vì vậy, sự kiện ông L tử vong không giải phóng bà T và các thành viên khác trong hộ gia đình khỏi nghĩa vụ trả nợ vay đối với Ngân hàng. Do đó, nếu hợp đồng bảo hiểm có hiệu lực pháp luật và sự kiện ông L tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm, thì việc chi trả bồi thường nếu có chỉ đối với phần nghĩa vụ của ông L trong khối nợ chung của hộ gia đình.

Đối với giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân số 1201-0500-060501-15-000001, quy trình cấp được thực hiện như sau: Ngày 21/4/2015 chi nhánh Bảo hiểm A tại Đắk Lắk yêu cầu hợp đồng bảo hiểm dư nợ tín dụng cho khách hàng Ngô Văn L qua ngân hàng đề nghị cấp hợp đồng bảo hiểm có thời hạn từ ngày 09/4/2015 đến ngày 09/7/2016 với lý do để trùng với thời hạn của hợp đồng tín dụng. Để có thể cấp hợp đồng bảo hiểm này, chi nhánh bảo hiểm A tại Đắk Lắk có cam kết chưa có bất cứ sự kiện bảo hiểm nào xảy ra cho đến thời điểm cấp hợp đồng bảo hiểm. Ngày 23/4/2015, Phòng bảo hiểm con người của bảo hiểm A tại hội sở chính dựa trên thông tin và cam kết do chi nhánh Đắk Lắk cung cấp, đã duyệt cấp hợp đồng bảo hiểm và gửi file giấy chứng nhận bảo hiểm cho chi nhánh bảo hiểm tại Đắk Lắk để in, đóng dấu và cấp cho khách hàng với thời hạn bảo hiểm từ ngày 09/4/2015 - 09/7/2016. Ngày bán bảo hiểm là ngày bảo hiểm A duyệt đơn yêu cầu cấp bảo hiểm ngày 23/4/2015. Các mốc thời gian trên phù hợp với biên bản làm việc giữa ngân hàng và bảo hiểm ngày 01/7/2015 (20/4/2015 chị Phan Tô Thảo L đến ngân hàng nhận giấy yêu cầu đồng thời thu phí bảo hiểm). Như vậy tai nạn của ông L xảy ra từ ngày 10/4/2015. Trong khi đó căn cứ biên bản làm việc ngày 05/11/2015 giữa gia đình bà T và bảo hiểm A, Bà T khai thời gian ông L nằm viện chợ rẫy bà T có gọi điện báo cho chị H biết việc ông L bị tai nạn. Căn cứ bản tự khai của bà T ngày 15/6/2016 thời gian ông L nằm viện từ ngày 11/4/2015 đến ngày 16/4/2015. Như vậy bà H đã biết việc ông L bị tai nạn từ trước ngày 20/4/2015 là ngày nhân viên bảo hiểm đến ngân hàng để nhận yêu cầu bảo hiểm. Mặc dù ông L tử vong ngày 29/4/2015 sau ngày bảo hiểm duyệt cấp giấy chứng nhận ngày 23/4/2015 nhưng sự kiện tai nạn xảy ra từ ngày 10/4/2015 dẫn đến ông L nằm viện là trước ngày bảo hiểm cấp giấy chứng nhận bảo hiểm. Việc ngân hàng và bà T cố tình che dấu tai nạn của ông L dẫn đến Bảo hiểm không biết được mức độ rủi ro, hiểu sai tình trạng sức khỏe thực tế và khả năng trả nợ vay của hộ gia đình ông L. Đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

*** Người có quyền nghĩa vụ liên quan:**

Ông Ngô Văn T, ông Ngô Văn P, Ngô Thị Kim O ủy quyền cho bà Trần Thị Thu T tham gia; bà Bùi Thị Thanh T1 vắng mặt. Bà T xác nhận đối với hợp đồng tín

dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất thì không liên quan đến các con của bà cũng như của bà T1 là con dâu bà. Tài sản này là tài sản riêng của bà và ông L. Các con bà chỉ ở chung nhà không có công sức đóng góp gì vào khối tài sản chung, và tiền vay chỉ một mình bà sử dụng lo cho chồng khi ông L mất, không liên quan đến các con.

Tại Bản án dân sự sơ thẩm số: 93/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của TAND thành phố Buôn Ma Thuột đã quyết định:

Căn cứ các Điều 382, 567, Điều 570, Điều 571, Điều 573, Điều 576 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 317, Điều 318 và Điều 319, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 4, Điều 56, khoản 1 Điều 58 nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về các giao dịch bảo đảm;

Căn cứ các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm;

Căn cứ mục 8,9,10 phần I, phần II, phần III Quy tắc bảo hiểm tín dụng cá nhân ban hành kèm theo Quyết định số 135/2009/QĐA/TGD ngày 11/5/2009 của Tổng giám đốc công ty cổ phần bảo hiểm A và ĐKBS 001,004 các sửa đổi bổ sung nêu trong tóm lược nội dung bảo hiểm;

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng H

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thu T.

Buộc Công ty cổ phần bảo hiểm A có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng H số tiền nợ là 297.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng*). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và nợ lãi là 97.000.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu đồng*).

Buộc bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền nợ là 64.927.535 đồng (*Sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*) và tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số DH21400013 ngày 09/4/2015 mà hai bên đã ký kết với nhau từ ngày 18/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về lãi suất giai đoạn thi hành án, chi phí xem xét thẩm định, án phí, và tuyên quyền kháng cáo.

Ngày 09/10/2020, Công ty cổ phần bảo hiểm A có đơn kháng cáo cho rằng khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng là nợ chung của hộ gia đình ông Ngô Văn L hoặc ít nhất là của vợ chồng ông L và bà T, sự kiện bảo hiểm chỉ xảy ra đối với ông L, do đó Bản

án sơ thẩm buộc Công ty Bảo hiểm A phải bồi thường toàn bộ số nợ chung là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty bảo hiểm. Do đó, đề nghị HĐXX phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu độc lập của bà T.

Tại phiên tòa phúc thẩm nguyên đơn giữ nguyên đơn khởi kiện, bị đơn giữ nguyên yêu cầu độc lập, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Công ty cổ phần bảo hiểm A giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Đắk Lắk phát biểu quan điểm:

- Về tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án Thẩm phán, Hội đồng xét xử và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung: Hợp đồng bảo hiểm ngày 09/4/2015 giữa ông Ngô Văn L và Công ty Bảo hiểm A là có hiệu lực pháp luật, phù hợp với quy định tại Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15 Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 567 và Điều 570 Bộ luật dân sự 2005, mục 9, 10 phần I Quy tắc bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân ban hành kèm quyết định số 135/2009/QĐ-A ngày 11/5/2009 của Bảo hiểm A. Ông Nguyễn Văn L đã đóng đủ phí bảo hiểm 950.000 đồng, Công ty bảo hiểm đã chấp nhận và cấp Giấy chứng nhận bảo hiểm. Trường hợp ông L tử vong thuộc phạm vi bảo hiểm theo quy định tại Phần II Quy tắc bảo hiểm không nằm trong các điểm loại trừ quy định tại Phần III Quy tắc bảo hiểm. Đối với kháng cáo của Công ty bảo hiểm cho rằng khoản nợ yêu cầu bồi thường là nợ chung của hộ gia đình, ít nhất là của vợ chồng ông L, bà T nên không đồng ý bồi thường toàn bộ số nợ là không có căn cứ. Bởi lẽ, ông L mua bảo hiểm cho số tiền vay ban đầu là 200.000.000 đồng, số tiền bảo hiểm là tổng của khoản dư nợ gốc còn lại tại ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm và khoản lãi phát sinh từ ngày trả lãi gần nhất theo lịch biểu trả nợ đến ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự: Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty Bảo hiểm A - Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ các tài liệu chứng cứ lời trình bày của các đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về nội dung:

Ngày 09/4/2015, giữa Ngân hàng H chi nhánh Đắk Lắk (sau đây viết tắt là Ngân hàng) với ông Ngô Văn L và bà Trần Thị Thu T có ký Hợp đồng tín dụng số: DH 21400013. Để đảm bảo nghĩa vụ trả nợ của hợp đồng tín dụng, ông L, bà T ký kết Hợp đồng thế chấp số TC09/2014 ngày 10/2/2014, được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền

với đất đối với thửa đất số 60, tờ bản đồ số 20, diện tích 490m² tọa lạc tại xã H, huyện C (Nay là thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 535557 do UBND huyện C, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/7/1997 cho hộ ông Ngô Văn L.

Cùng ngày ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, ông L đã có đơn yêu cầu bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân với Công ty cổ phần bảo hiểm A (Sau đây viết tắt là Công ty bảo hiểm). Phí bảo hiểm đã được Ngân hàng chuyển lại cho Công ty bảo hiểm. Chi nhánh Công ty cổ phần bảo hiểm A tại Đắk Lắk (Sau đây viết tắt là Chi nhánh Công ty bảo hiểm) đã cấp giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân số 1201-0500-060501-15-000001 ngày 09/4/2015 cho ông Ngô Văn L.

Quá trình thực hiện hợp đồng, ngày 10/4/2019, ông L bị tai nạn lao động, đến ngày 29/4/2015 thì tử vong.

Hợp đồng tín dụng số DH 21400013 được ký kết ngày 09/4/2015, giữa Ngân hàng H chi nhánh Đắk Lắk với ông Ngô Văn L và bà Trần Thị Thu T là hoàn toàn tự nguyện; mục đích và nội dung của hợp đồng không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội, nên hợp đồng hợp pháp, có hiệu lực. Ngay sau khi hợp đồng tín dụng được ký kết, Ngân hàng đã giải ngân cho ông L bà T vay 200.000.000đ; lãi suất 0,875%/tháng; thời hạn vay là 15 tháng từ ngày 09/4/2015 đến ngày 09/7/2016. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông L chết, bà T vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng nêu trên. Do đó, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Bà T phải trả tổng số nợ gốc là 200.000.000 và tiền lãi tính đến ngày 17/9/2020 là có cơ sở xem xét.

Đối với giấy chứng nhận bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân số 1201-0500-060501-15-000001 ngày 09/4/2015 do Chi nhánh Công ty Bảo hiểm A tại Đắk Lắk cấp cho ông Ngô Văn L là đúng thẩm quyền theo nội dung của Giấy ủy quyền ngày 01/01/2015 giữa người ủy quyền là Tổng Giám đốc Công ty cổ phần bảo hiểm A và người nhận ủy quyền là Giám đốc Chi nhánh Công ty cổ phần bảo hiểm A tại Đắk Lắk nên đã phát sinh hiệu lực pháp luật. Các bên có nghĩa vụ thực hiện đúng các nội dung của hợp đồng bảo hiểm.

[2] Xét nội dung kháng cáo Công ty Bảo hiểm, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về nội dung cho rằng Ngân hàng và bà Trần Thị Thu T đã biết về tai nạn của ông L nhưng không thông báo cho Công ty bảo hiểm khi Hợp đồng bảo hiểm chưa được cấp, dẫn đến Công ty bảo hiểm không biết được mức độ rủi ro. Hội đồng xét xử xét thấy:

Theo quy định tại Quy tắc bảo hiểm thì: “*Sự kiện bảo hiểm là sự kiện người được bảo hiểm tử vong, bị thương tật toàn bộ vĩnh viễn hoặc mất tích xảy ra trong thời hạn bảo hiểm*”, “*Thời hạn bảo hiểm là khoảng thời gian tính từ ngày bắt đầu cho đến ngày kết thúc bảo hiểm, được ghi trong Giấy chứng nhận bảo hiểm*”;

Ngay sau khi ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng, ông L đã có đơn đề ngày 09/4/2015 yêu cầu bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân gửi Công ty bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm đã được Chi nhánh Công ty bảo hiểm tại Đắk Lắk cấp ngày 09/4/2015, thời hạn bảo hiểm từ 15h00' ngày 09/4/2015 đến 16h00' ngày 09/7/2016 cho ông Ngô Văn L. Ông Ngô Văn L bị tai nạn ngày 10/4/2019, đến ngày 29/4/2015 thì tử vong. Như vậy, trường hợp của ông L thuộc phạm vi bảo hiểm, trong thời hạn bảo hiểm và không nằm trong các điểm loại trừ quy định tại Phần III của Quy tắc bảo hiểm.

Mặt khác, Tại đơn trình bày quan điểm kháng cáo ngày 04/3/2021, đại diện theo ủy quyền của Công ty bảo hiểm thừa nhận: Dựa trên cam kết do Chi nhánh bảo hiểm tại Đắk Lắk cung cấp, Phòng bảo hiểm con người của Bảo hiểm A tại hội sở Hồ Chí Minh đã duyệt cấp Hợp đồng bảo hiểm và gửi File giấy chứng nhận bảo hiểm cho Chi nhánh bảo hiểm tại Đắk Lắk để in và đóng dấu. Như vậy, quy trình cấp giấy chứng nhận bảo hiểm cho ông Ngô Văn L nếu có sai sót là trách nhiệm trong nội bộ của Công ty bảo hiểm, không phải lỗi của ông Ngô Văn L và bà Trần Thị Thu T.

[2.2] Về nội dung cho rằng khoản nợ theo Hợp đồng tín dụng là nợ chung của hộ gia đình ông Ngô Văn L hoặc ít nhất là của vợ chồng ông L và Bà T, sự kiện bảo hiểm chỉ xảy ra đối với ông L, Bản án sơ thẩm buộc Công ty Bảo hiểm A phải bồi thường toàn bộ số nợ chung là ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Công ty bảo hiểm, HĐXX xét thấy:

Theo Giấy chứng nhận bảo hiểm thì số tiền bảo hiểm là tổng của khoản dư nợ gốc còn lại tại ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm và khoản lãi phát sinh từ ngày trả lãi gần nhất theo lịch biểu trả nợ đến ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm. Số tiền vay ban đầu ghi nhận trong Giấy chứng nhận bảo hiểm là 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số DH21400013. Như vậy, mặc dù Giấy chứng nhận bảo hiểm được cấp cho ông Ngô Văn L, nhưng số tiền bảo hiểm là 200.000.000 đồng theo hợp đồng tín dụng số DH21400013. Do đó, Bản án sơ thẩm chấp buộc Công ty bảo hiểm phải có trách nhiệm bồi thường toàn bộ số dư nợ gốc còn lại tại ngày phát sinh sự kiện bảo hiểm là 200.000.000 đồng và lãi do chậm trả bảo hiểm từ thời điểm phát sinh sự kiện bảo hiểm từ ngày 29/4/2015 đến ngày xét xử sơ thẩm số tiền 97.000.000 đồng, tổng số tiền 279.000.000 đồng; bà T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền lãi 64.927.535 đồng là có căn cứ, phù hợp với quy định tại điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm; Điều 576 Bộ luật dân sự; mục 9, 10 Phần I Quy tắc bảo hiểm dư nợ tín dụng cá nhân ban hành kèm Quyết định số 135/2009/QĐ-A ngày 11/5/2009.

[2.3] Về nội dung cho rằng giám đốc chi nhánh công ty cổ phần Bảo Hiểm A tại Đắk Lắk không có thẩm quyền ký kết thỏa thuận hợp tác với Ngân hàng H, thấy

rằng: Thỏa thuận hợp tác là văn bản được ký kết giữa giám đốc chi nhánh công ty cổ phần Bảo Hiểm A tại Đắk Lắk và Ngân hàng H, không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của Giấy chứng nhận bảo hiểm mà Chi nhánh Công ty bảo hiểm đã cấp cho ông L.

[3] Cấp sơ thẩm tuyên chấp nhận yêu cầu xử lý tài sản thế chấp trong trường hợp Bà T không trả hoặc trả không đủ nợ cho Ngân hàng là có căn cứ. Bà T và các con của ông L, Bà T không kháng cáo nội dung này nên đã có hiệu lực pháp luật. Tuy nhiên, Tòa án cấp sơ thẩm không tuyên buộc Ngân hàng phải trả cho bà T tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 535557 do UBND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/7/1997 cho hộ ông Ngô Văn L, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 20, diện tích 490m², tại xã H, huyện C (Nay là thành phố B, tỉnh Đắk Lắk) trong trường hợp bà T thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp là thiếu sót, cần bổ sung cho phù hợp.

[4] Về án phí dân sự phúc thẩm: Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận nên Công ty cổ phần bảo hiểm A phải chịu án phí dân sự phúc thẩm.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của Công ty cổ phần bảo hiểm A. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 93/2020/DS-ST ngày 17/9/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Căn cứ các Điều 382, 567, Điều 570, Điều 571, Điều 573, Điều 576 Bộ luật dân sự 2005;

Căn cứ các Điều 292, Điều 293, Điều 295, Điều 298, Điều 317, Điều 318 và Điều 319, Điều 299, Điều 463, Điều 466, Điều 468, Điều 688 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng;

Căn cứ các Điều 4, Điều 56, khoản 1 Điều 58 nghị định 163/2006/NĐ-CP ngày 19/12/2006 của Chính phủ về các giao dịch bảo đảm;

Căn cứ các Điều 12, Điều 13, Điều 14, Điều 15, điểm c khoản 2 Điều 17 Luật kinh doanh bảo hiểm;

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện của Ngân hàng H.

Chấp nhận một phần đơn yêu cầu độc lập của bà Trần Thị Thu T.

[1] Buộc Công ty cổ phần bảo hiểm A có trách nhiệm phải trả cho Ngân hàng H số tiền nợ là 297.000.000 đồng (*Hai trăm chín mươi bảy triệu đồng*). Trong đó nợ gốc là 200.000.000đ (*Hai trăm triệu đồng chẵn*) và nợ lãi là 97.000.000 đồng (*Chín mươi bảy triệu đồng*).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

[2] Buộc Bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm trả cho Ngân hàng H số tiền là 64.927.535đồng (*Sáu mươi bốn triệu chín trăm hai mươi bảy nghìn năm trăm ba mươi lăm đồng*) và tiếp tục trả nợ lãi phát sinh theo mức lãi suất trong hợp đồng tín dụng số DH21400013 ngày 09/4/2015 mà hai bên đã ký kết với nhau từ ngày 18/9/2020 cho đến khi trả hết nợ.

Trường hợp Bà Trần Thị Thu T không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng thì Ngân hàng H có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp số TC 09/2014 ngày 10/2/2014 mà ông Ngô Văn L và bà Trần Thị Thu T đã ký với Ngân hàng H để thu hồi nợ cho Ngân hàng.

Trường hợp bà Trần Thị Thu T thực hiện trả nợ đầy đủ cho Ngân hàng mà không phải xử lý tài sản thế chấp thì Ngân hàng H phải trả cho bà T tài sản thế chấp là Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số K 535557 do UBND huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 31/7/1997 cho hộ ông Ngô Văn L, thửa đất số 60, tờ bản đồ số 20, diện tích 490m², tại xã H, huyện C (Nay là thành phố B, tỉnh Đắk Lắk)

[3] Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Bà Trần Thị Thu T có trách nhiệm hoàn trả số tiền 2.000.000 đồng cho Ngân hàng H.

[4] Về án phí: Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm:

- Bị đơn bà Trần Thị Thu T phải chịu 3.246.376 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 5.000.000 đồng mà Bà T đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0001739 ngày 12/6/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Sau khi khấu trừ Bà T được nhận lại số tiền 1.753.623 đồng.

- Công ty cổ phần Bảo hiểm A phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.850.000 đồng. Hoàn trả lại Ngân hàng H số tiền 6.898.000 đồng do Ngân hàng H đã nộp theo biên lai số AA/2017/0004039 ngày 08/6/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

[4.2] Án phí dân sự phúc thẩm: Công ty cổ phần bảo hiểm A phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm, được khấu trừ số tiền 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số AA/2019/0013135 ngày 20/10/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Cấp cao;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- TAND Tp. Buôn Ma Thuột;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- Các đương sự;
-;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

“Đã ký”

Trịnh Văn Toàn